

Summary of Channel 45:

Lat: 33-27-07.0 N

Lon: 94-04-38.0 W

ERP: 5.000 kW

ComStudy 2.2 RadioSoft

Callsign	Fac ID	ARN	City	Class	Type	ERP	Sep Typ	Status	Bearing	Dist	Prot	Clearan	D/U	Rx Gain	Rx F/B	Zone	Band	Ch#	Adj	Matrix	Svc Cof	Svc dBu	Int Cont	Int dBu	Old Pop	New Po	Total Po	Old Pop	New Po
K30EA	60814	BLTTL1	TEXAR	LP NTS	LIC	13.500	C/M	Clear	197.59	2.6	245	-21.8	-9	0.0	6.0	0	UHF	30 -	T-15	LR	F(50,50)	74	F(50,10)	83	0.0%	0.0%	95973	95973	95973
KSHV-D73706		BLCDT2	SHREV	DTV	LIC	500.000	D/M	Interf	171.21	88.4	106	-17.6	-49	14.0	10.0	2	UHF	44	A-1	LR	F(50,90)	41	-	-	0.0%	0.0%	898427	898427	898418
K45IM	70101	BDFCD1	MONRO	LP DTV	CP	15.000	M	N/C	114.86	205.2	245	-	2	14.0	10.0	0	UHF	45 T	Co	LR	F(50,90)	51	-	-	N/C	N/C	N/C	N/C	N/C
K64FT	28787	BDFCD1	ALEXAN	LP DTV	CP	15.000	M	N/C	147.22	287.4	245	-	2	14.0	10.0	0	UHF	45 T	Co	LR	F(50,90)	51	-	-	N/C	N/C	N/C	N/C	N/C
K45DI	68069	BDFCD1	MERMEL	LP DTV	CP	3.000	M	N/C	158.83	387.7	245	-	2	14.0	10.0	0	UHF	45	Co	LR	F(50,90)	51	-	-	N/C	N/C	N/C	N/C	N/C
K46AI	50200	BDFCD1	DURAN	LP DTV	CP	13.400	M	N/C	286.22	222.7	245	-	-48	14.0	10.0	0	UHF	46	A+1	LR	F(50,90)	51	-	-	N/C	N/C	N/C	N/C	N/C
NEW	167510	BDCCD1	MCALF	LP DTV	APP	15.000	M	N/C	311.37	275.8	245	-	2	14.0	10.0	0	UHF	45	Co	LR	F(50,90)	51	-	-	N/C	N/C	N/C	N/C	N/C
NEW	168014	BDCCD1	MEMPH	LP DTV	CP	2.000	M	N/C	61.91	414.7	245	-	2	14.0	10.0	0	UHF	45 T	Co	LR	F(50,90)	51	-	-	N/C	N/C	N/C	N/C	N/C
NEW	168154	BDCCD1	FORT SL	LP DTV	CP	15.000	M	N/C	353.30	223.4	245	-	-49	14.0	10.0	0	UHF	44 T	A-1	LR	F(50,90)	51	-	-	N/C	N/C	N/C	N/C	N/C
NEW	167210	BDCCD1	MCALF	LP DTV	CP	15.000	M	N/C	318.82	226.9	245	-	-48	14.0	10.0	0	UHF	46	A+1	LR	F(50,90)	51	-	-	N/C	N/C	N/C	N/C	N/C
NEW	168097	BSFD11	OKLAH	LP DTV	APP	15.000	M	N/C	305.43	376.5	245	-	2	14.0	10.0	0	UHF	45 T	Co	LR	F(50,90)	51	-	-	N/C	N/C	N/C	N/C	N/C
NEW	168054	BDCCD1	OKLAH	LP DTV	APP	15.000	M	N/C	305.43	375.2	245	-	2	14.0	10.0	0	UHF	45 T	Co	LR	F(50,90)	51	-	-	N/C	N/C	N/C	N/C	N/C
KSHV-D73706		BDSTA3	SHREV	DTV ST	LIC	1.000	D/M	N/C	166.39	111.2	106	5.2	-49	14.0	10.0	0	UHF	44	A-1	LR	F(50,90)	41	-	-	N/C	N/C	N/C	N/C	N/C
970331	86521	BPET19	EL DOR	NTSC	APP	100.000	D/M	N/C	98.53	129.2	120	9.2	-9	0.0	6.0	2	UHF	30 +	T-15	LR	F(50,50)	64	-	-	N/C	N/C	N/C	N/C	N/C
KAFT*	2767	DTV AL	FAYET	NTSC	LIC	1000.00	D/M	N/C	0.97	262.7	249	13.7	45	0.0	6.0	2	UHF	45	Co	LR	F(50,50)	64	-	-	N/C	N/C	N/C	N/C	N/C
	84137		EL DOR	NTSC A		0.000	D/M	N/C	101.33	134.0	120	14.0	-9	0.0	6.0	2	UHF	30 +	T-15	LR	F(50,50)	64	-	-	N/C	N/C	N/C	N/C	N/C
KETG*	2768	DTV AL	ARKAD	NTSC	LIC	937.100	D/M	N/C	60.17	102.6	88	14.6	-3	0.0	6.0	2	UHF	46	A+1	LR	F(50,50)	64	-	-	N/C	N/C	N/C	N/C	N/C
KDTX-T67910		DTV AL	DALLAS	NTSC	LIC	154.300	D/M	N/C	251.21	286.1	249	37.1	45	0.0	6.0	2	UHF	45	Co	LR	F(50,50)	64	-	-	N/C	N/C	N/C	N/C	N/C
KLTV*	68540	DTV AL	TYLER	NTSC	LIC	1000.00	D/M	N/C	226.74	147.2	96	51.2	-33	0.0	6.0	2	UHF	38	T-7	LR	F(50,50)	64	-	-	N/C	N/C	N/C	N/C	N/C
960920	84137	BPET19	EL DOR	NTSC	APP	5000.00	D/M	N/C	115.21	172.4	120	52.4	-9	0.0	6.0	2	UHF	30 +	T-15	LR	F(50,50)	64	-	-	N/C	N/C	N/C	N/C	N/C
NEW	143055	BPRM21	LONGV	NEW N	LIC	5000.00	D/M	N/C	232.30	155.5	96	59.5	-33	0.0	6.0	2	UHF	38 Z	T-7	LR	F(50,50)	64	-	-	N/C	N/C	N/C	N/C	N/C
KCEB	83913	BPCT20	LONGV	NTSC	CP	5000.00	D/M	N/C	211.85	155.6	96	59.6	-33	0.0	6.0	2	UHF	38 -	T-7	LR	F(50,50)	64	-	-	N/C	N/C	N/C	N/C	N/C
KFXK*	70917	DTV AL	LONGV	NTSC	LIC	113.700	D/M	N/C	211.84	155.6	96	59.6	-25	0.0	6.0	2	UHF	31	T-14	LR	F(50,50)	64	-	-	N/C	N/C	N/C	N/C	N/C
KDTX-D67910		BDSTA3	DALLAS	DTV ST	LIC	18.100	D/M	N/C	251.21	286.2	218	68.2	2	14.0	10.0	0	UHF	45	Co	LR	F(50,90)	41	-	-	N/C	N/C	N/C	N/C	N/C
KDTX-D67910		BMPCD1	DALLAS	DTV	CP MO	1000.00	D/M	N/C	250.19	287.1	218	69.1	2	14.0	10.0	2	UHF	45	Co	LR	F(50,90)	41	-	-	N/C	N/C	N/C	N/C	N/C
	98401		TYLER	NTSC A		0.000	D/M	N/C	223.41	166.8	96	70.8	-33	0.0	6.0	2	UHF	38 Z	T-7	LR	F(50,50)	64	-	-	N/C	N/C	N/C	N/C	N/C
K59GI	70101	BLTT20	MONRO	LP NTS	LIC	28.800	C/M	Clear	114.86	205.2	245	72.6	45	0.0	6.0	0	UHF	45 Z	Co	LR	F(50,50)	74	F(50,10)	29	N/C	N/C	N/C	N/C	N/C
K59GO	67909	BLTTL2	SHREV	LP NTS	LIC	50.000	C/M	Clear	171.22	88.4	245	83.0	-25	0.0	6.0	0	UHF	31 -	T-14	LR	F(50,50)	74	F(50,10)	99	N/C	N/C	N/C	N/C	N/C
KWBK-39151		BLTTL2	PINE BL	LP NTS	LIC	150.000	C/M	Clear	56.44	211.1	245	87.0	45	0.0	6.0	0	UHF	45 -	Co	LR	F(50,50)	74	F(50,10)	29	N/C	N/C	N/C	N/C	N/C
KWBK-39151		BSTA20	PINE BL	LP NTS	APP	50.100	C/M	Clear	56.44	211.1	245	88.6	45	0.0	6.0	0	UHF	45 -	Co	LR	F(50,50)	74	F(50,10)	29	N/C	N/C	N/C	N/C	N/C
KKYK-T86534		BLCT20	CAMDEN	NTSC	LIC	3020.00	D	Clear	98.54	129.1	32	97.1	-	-	-	2	UHF	49 -	T+4	LR	-	-	-	-	N/C	N/C	N/C	N/C	N/C
KWBF-D37005		BMPCD1	LITTLE	DTV	APP	1000.00	D/M	N/C	43.67	208.6	106	102.6	-49	14.0	10.0	2	UHF	44	A-1	LR	F(50,90)	41	-	-	N/C	N/C	N/C	N/C	N/C
KWBF-D37005		BPCDT1	LITTLE	DTV	CP	1000.00	D/M	N/C	43.81	208.6	106	102.6	-49	14.0	10.0	2	UHF	44	A-1	LR	F(50,90)	41	-	-	N/C	N/C	N/C	N/C	N/C
KOTV	35434	BDSTA3		DTV ST	APP	420.000	D/M	N/C	333.37	320.8	218	102.8	2	14.0	10.0	2	UHF	45	Co	LR	F(50,90)	41	-	-	N/C	N/C	N/C	N/C	N/C

KOTV	166579	BPRM2	TULSA	NEW D	APP	840.000	D/M	N/C	333.37	320.8	218	102.8	2	14.0	10.0	2	UHF	45	Co	LR	F(50,90)	41	-	-	N/C	N/C	N/C	N/C	N/C
KOTV-L	35434	BPCDT	TULSA	DTV	CP	840.000	D/M	N/C	333.37	320.8	218	102.8	2	14.0	10.0	2	UHF	45	Co	LR	F(50,90)	41	-	-	N/C	N/C	N/C	N/C	N/C
KWBF	37005	BDSTA	LITTLE	DTV ST	APP	587.000	D/M	N/C	43.75	208.8	106	102.8	-49	14.0	10.0	2	UHF	44	A-1	LR	F(50,90)	41	-	-	N/C	N/C	N/C	N/C	N/C
KYPX	123186	BPRM2	LITTLE	DTV RMLIC		1000.000	D/M	N/C	43.75	208.8	106	102.8	-49	14.0	10.0	2	UHF	44	A-1	LR	F(50,90)	41	-	-	N/C	N/C	N/C	N/C	N/C
	63308		GROVENTS	CA		0.000	D/M	N/C	349.94	354.9	249	105.9	45	0.0	6.0	2	UHF	45 +	Co	LR	F(50,50)	64	-	-	N/C	N/C	N/C	N/C	N/C
KWBF-L	37005	BDSTA	LITTLE	DTV ST	LIC	6.700	D/M	N/C	48.61	219.4	106	113.4	-49	14.0	10.0	0	UHF	44	A-1	LR	F(50,90)	41	-	-	N/C	N/C	N/C	N/C	N/C
	97007		HUGO	NTSC A		0.000	D/M	N/C	295.55	146.2	32	114.2	-34	0.0	6.0	2	UHF	48 +	T+3	LR	F(50,50)	64	-	-	N/C	N/C	N/C	N/C	N/C
K46DT	49045	BLTTL2	EL DOR	LPN TS	LIC	0.007	C/M	Clear	98.54	129.1	245	124.1	-3	0.0	6.0	0	UHF	46 Z	A+1	LR	F(50,50)	74	F(50,10)	89	N/C	N/C	N/C	N/C	N/C
K45HZ	130363	BSTA20	CROCK	LPN TS	APP	20.000	C/M	Clear	209.02	270.6	245	142.1	45	0.0	6.0	0	UHF	45 Z	Co	LR	F(50,50)	74	F(50,10)	29	N/C	N/C	N/C	N/C	N/C
KEJB	84164	BLCT20	EL DOR	NTSC	LIC	5000.000	D/M	N/C	103.09	176.9	32	144.9	-26	0.0	6.0	2	UHF	43 -	T-2	LR	F(50,50)	64	-	-	N/C	N/C	N/C	N/C	N/C
K64FT	28787	BLTT20	ALEXAN	LPN TS	LIC	7.800	C/M	Clear	147.22	287.4	245	155.1	45	0.0	6.0	0	UHF	45 Z	Co	LR	F(50,50)	74	F(50,10)	29	N/C	N/C	N/C	N/C	N/C
NEW	128856	BNPTT	WOODY	LPN TS	CP	5.000	C/M	Clear	185.81	298.7	245	174.9	45	0.0	6.0	0	UHF	45 +	Co	LR	F(50,50)	74	F(50,10)	29	N/C	N/C	N/C	N/C	N/C
K45EI	70105	BLTTL1	BENTO	LPN TS	LIC	35.000	C/M	Clear	355.84	324.8	245	188.7	45	0.0	6.0	0	UHF	45 Z	Co	LR	F(50,50)	74	F(50,10)	29	N/C	N/C	N/C	N/C	N/C
K45EI	70105	BSTA20	BENTO	A NTSC	APP	35.000	C/M	Clear	355.84	324.8	245	188.7	45	0.0	6.0	0	UHF	45 Z	Co	LR	F(50,50)	74	F(50,10)	29	N/C	N/C	N/C	N/C	N/C
K45IZ	125337	BMPPT	NEWPC	LPN TS	CP MO	150.000	C/M	Clear	46.12	350.4	245	213.8	45	0.0	6.0	0	UHF	45 +	Co	LR	F(50,50)	74	F(50,10)	29	N/C	N/C	N/C	N/C	N/C
K45HY	125172	BLTTL2	LAKE CL	PN TS	LIC	50.000	C/M	Clear	167.27	362.6	245	240.7	45	0.0	6.0	0	UHF	45 +	Co	LR	F(50,50)	74	F(50,10)	29	N/C	N/C	N/C	N/C	N/C
K45DI	68069	BLTT19	MERME	LPN TS	LIC	21.900	C/M	Clear	158.83	387.6	245	255.7	45	0.0	6.0	0	UHF	45 -	Co	LR	F(50,50)	74	F(50,10)	29	N/C	N/C	N/C	N/C	N/C
NEW	131299	BNPTT	PORT AL	PN TS	CP	10.000	C/M	Clear	179.08	394.6	245	266.6	45	0.0	6.0	0	UHF	45 Z	Co	LR	F(50,50)	74	F(50,10)	29	N/C	N/C	N/C	N/C	N/C
K45HZ	130363	BLTTL2	CROCK	LPN TS	LIC	1.000	C/M	Clear	205.98	272.2	245	999.0	45	0.0	6.0	0	UHF	45 Z	Co	LR	F(50,50)	74	F(50,10)	29	N/C	N/C	N/C	N/C	N/C